

**SƠ BỘ ĐÁNH GIÁ GIÁ TRỊ LỊCH SỬ VÀ KHOA HỌC  
KHO TÀI LIỆU TIẾNG PHÁP CỦA ĐẠI HỌC ĐÔNG DƯƠNG,  
TẠI TRUNG TÂM THÔNG TIN – THƯ VIỆN, ĐHQGHN**

*Trung tâm Thông tin – Thư viện, ĐHQGHN*

Đại học Đông Dương (Université Indochinoise) được thành lập ngày 16 tháng 5 năm 1906, theo Nghị định số 1514a do Toàn quyền Đông Dương Paul Beau ký. Đây là một bước ngoặt lịch sử trong lịch sử nền giáo dục Việt Nam, đánh dấu một giai đoạn mới hoàn toàn của nền quốc học nước ta, hòa nhập với trào lưu tiên tiến nhất của nền giáo dục đại học thế giới. Chính vì vậy, xét cả về mặt pháp lý và thực tiễn, Đại học Đông Dương được coi là tiền thân của Đại học Quốc gia Hà Nội hôm nay (1).

Thư viện Đại học Đông dương ra đời cùng với nhà trường. Nó có nhiệm vụ tập trung và cung ứng các tài liệu học tập cho tất cả các khoa và ngành học ở trong trường, bao gồm (2):

**KHOA KHOA HỌC**

- Ngành Toán học
- Ngành Cơ học
- Ngành Vật lý học
- Ngành Hoá học đại cương
- Ngành Hóa công nghiệp và công nghệ
- Ngành Thực vật học
- Ngành Động vật học
- Ngành Sinh lý học

**KHOA VĂN HỌC**

- Ngành Văn học Pháp
- Ngành Sư phạm đại cương
- Ngành Lịch sử so sánh triết học
- Ngành Lịch sử đại cương
- Ngành Lịch sử Đông dương và Viễn đông
- Ngành Địa lý đại cương

**KHOA LUẬT**

- Ngành Luật pháp
- Ngành Kinh tế chính trị và Luật thương mại
- Ngành Tổ chức hành chính Đông dương

Kho sách đại học Đông Dương được bổ sung dần dần trong suốt lịch sử của nhà trường. Ngay cả sau Cách mạng tháng Tám, kho sách này vẫn được bổ sung những tài liệu mới.

Công việc này còn được tiếp tục ngay cả sau năm 1954 khi miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, nhưng kho sách được chuyển về Đại học Hà Nội và từ năm 1956 được chuyển về Thư viện Đại học Tổng hợp Hà Nội. Xin nói rõ thêm, kho sách này độc lập với kho sách của trường Viễn Đông Bác Cổ (L'École française de l'extrême d'Orient).

Từ sau năm 1954, do những điều kiện lịch sử mới, trong đó có sự thay đổi căn bản về xu hướng trao đổi, hợp tác giáo dục đào tạo của Việt Nam với thế giới mà ai cũng biết, tiếng Pháp không còn đóng vai trò chính yếu trong nền giáo dục Việt Nam nói chung và giáo dục đại học nói riêng như thời Pháp thuộc nữa. Do đó, độc giả của kho sách này cũng giảm đi nhanh chóng. Chỉ còn một số ít các chuyên gia khoa học được đào tạo dưới thời Pháp thuộc mới có thể có đủ vốn tiếng Pháp để đọc các tài liệu này.

Nhưng hữu xạ tự nhiên hương, những giá trị lịch sử và giá trị khoa học của kho sách không thể bị mất đi. Nó luôn là một dấu hỏi, đau đầu trong tâm tưởng của các nhà quản lý, các lãnh đạo của trường Đại học Tổng hợp Hà Nội trước đây và của Đại học Quốc gia Hà Nội bây giờ.

Nhân dịp kỷ niệm 110 năm ngày thành lập Đại học Đông Dương, Trung tâm Thông tin – Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội xin trình bày một đánh giá sơ bộ về giá trị lịch sử và giá trị khoa học của kho sách này.

Kho sách chúng tôi đang nói đến hiện còn lại hơn 4000 bản. Gần như toàn bộ số sách này đều đã và đang ở trạng thái hư hại ở các mức độ khác nhau. Trong đó, số bị ảnh hưởng nội dung chiếm trên dưới 10%; bị hỏng bìa và đứt chỉ khâu khoảng trên 90%; bị mục nát, rách, không còn khả năng khôi phục được nội dung chiếm khoảng 5%.



*Một giá sách kho tài liệu Đại học Đông Dương*

Xem xét từ bất kỳ quan điểm nào, kho sách này đều phải được coi là kho sách quý. Trước hết, nó là một trong những “nhân chứng” sống về bước ngoặt cơ bản của lịch sử nền quốc học Việt Nam, chuyển từ giáo dục Nho giáo cổ truyền sang nền giáo dục hiện đại, khoa học, đóng vai trò xương sống trong tiến trình trưởng thành và phát triển, hiện đại hóa của dân tộc Việt Nam.

**I. Kho sách có sách thuộc tất cả các ngành và chuyên ngành khoa học của nhân loại (3)** tính đến giữa thế kỷ XX. Với các ngành khoa học tự nhiên như Toán, Lý, Hóa ở Việt Nam hiện nay, phần lớn tri thức chứa đựng trong kho sách này đều đã nằm trong chương trình đào tạo của Đại học Quốc gia Hà Nội. Do đó, có thể nói nó còn có giá trị phục vụ cho công việc đào tạo, nhưng không còn nhiều tác dụng trong công việc nghiên cứu và phát triển. Tuy nhiên, điều này có thể không đúng với một số ngành như Sinh vật học (gồm cả Động vật học và Thực vật học), Sinh lý học. Chúng tôi chỉ xin đề cập tới ba lĩnh vực để làm ví dụ chứng minh cho quan điểm trên, đó là các lĩnh vực Điều học, Côn trùng học và Hải dương học.

1.1 Ở thế kỷ XX, ngành Sinh vật học nói chung và ngành Điều học nói riêng đã được cộng đồng khoa học thế giới đánh giá cao. Các giáo sư như GS. Vũ Trung Tạng, GS. Võ Quý, GS. Mai Đình Yên,... đã có uy tín quốc tế, tham dự vào các chuyên ngành sinh vật học ở nhiều trường đại học và viện nghiên cứu danh tiếng trên thế giới. Chắc chắn bộ sách về sinh học rất phong phú, đa dạng của kho sách này đã góp phần tạo nên những thành tựu trên.



*Bộ sách trên 20 tập về sinh học*

Tất cả các loài chim mà ngành Điều học phương Tây nghiên cứu đều có mặt ở trong những tác phẩm này. Ngoài ra, các loài chim ở Đông dương, trong đó có nhiều loài đặc hữu hiện đang nằm ở trong danh sách đỏ của thế giới cũng đã được các nhà khoa học Pháp nghiên cứu khá công phu. Những bức họa thủ công sinh động về các loài chim cho đến nay vẫn được coi là những bức họa thủ công không tiền khoáng hậu. Các tập tính loài, môi trường sinh trưởng và phát triển, những điều kiện thiên nhiên phù hợp và những thách thức về môi trường đều được nghiên cứu rất kỹ. Chắc chắn những cuốn sách này vẫn còn hữu ích cho các nghiên cứu về Điều học hiện nay.

1.2 Nước ta ở vùng nhiệt đới, vì vậy côn trùng giữ một vai trò rất lớn trong hệ sinh thái. Các nhà khoa học Pháp và thế giới bắt đầu nghiên cứu về côn trùng ở Việt Nam ngay từ khi chế độ thực dân chưa được thiết lập khắp cõi Đông Dương. Từ năm 1884, công việc nghiên cứu của họ càng được đẩy mạnh. Những cuốn sách nghiên cứu về côn trùng học trong kho sách này có tới 23 cuốn. Hệ côn trùng ở Đông dương được khảo sát, phân họ, phân loài một cách khoa học. Những nghiên cứu về tập tính, đặc điểm sinh trưởng, môi trường và những mối liên hệ của các loài côn trùng đối với hệ sinh thái là những thành quả nghiên cứu vừa có tính lý luận cơ bản, vừa có tính thực tiễn cao, nhất là đối với ngành trồng trọt và chăn nuôi. Xin nêu một số cuốn sách đáng chú ý:

- Bộ cánh cứng ở Đông dương thuộc Pháp của J. Arrow.
- Bộ sưu tập côn trùng ở Đông dương của Pavie.
- Những loài bọ cánh cứng mới phát hiện ở Việt Nam của M. Fleutiaux.
- Kỷ yếu Hội thảo khoa học về côn trùng ở Đông dương, tổ chức ở Tam Đảo năm 1942
- Thú vị nhất là cuốn *Đời sống tâm lý của côn trùng* của E. L. Boavier.

1.3 Những nghiên cứu khoa học về sinh vật biển được tập trung ở trong các cuốn sách của Viện Hải dương học Nha Trang. Tất cả các loài sinh vật biển mà khoa học biết được cho đến giữa thế kỷ XX trong vùng biển thuộc chủ quyền lãnh hải của Việt Nam đều có tên trong các tài liệu khoa học của Viện nổi tiếng này, không thể kể hết được. Điều đặc biệt là phương pháp làm việc và nghiên cứu có tính thực tiễn cao của các nhà khoa học thuộc Viện này. Ví dụ, trong ghi chép thứ 17 của Viện Hải dương học Nha Trang về các địa điểm đánh bắt cá trên biển Việt Nam có 548 vị trí được khảo sát. Mỗi vị trí đều được mô tả và đánh giá theo các tiêu chí sau đây:

- Số hiệu của vị trí khảo sát.
- Thời điểm (giờ, ngày, tháng, năm) khảo sát.
- Tọa độ của vị trí.
- Đặc điểm của đáy biển.
- Công cụ sử dụng để đánh bắt hải sản.
- Kết quả quan sát và đánh bắt.

Hơn 100 cuốn sách còn lại nghiên cứu về động vật trên lãnh thổ Đông dương đều đã được trình bày, từ các loài vi khuẩn, ký sinh trùng, lưỡng cư, bò sát cho tới động vật có vú. Cho đến nay, các tri thức này chắc chắn vẫn còn giá trị khoa học, ít nhất là trong các nghiên cứu so sánh về sự biến đổi của môi trường sinh quyển của Việt Nam.



*Những bức vẽ thủ công đã tồn tại hàng trăm năm với màu sắc gần như nguyên vẹn*

1.4 Thư mục sách về thực vật có trên 200 cuốn, trong đó 26 cuốn nghiên cứu về thực vật ở Đông dương, 12 cuốn đề cập đến nông nghiệp của Đông dương. Những cuốn sách đáng chú ý là:

- Cây hồ ở Bắc kỳ của Philippe Eberhardt.
- Cây cao su ở Bắc kỳ và Bắc Trung kỳ của Philippe Eberhardt và Dubard.
- Đặc biệt nhất là cuốn *Những bệnh hạch nấm ở cây lúa vùng đồng bằng Nam kỳ* của L. Roger, chủ nhiệm bộ môn Nông học của Học viện khoa học Nam kỳ. Ông đã phát hiện ra 7 loại bệnh hạch nấm, đề xuất 3 phương pháp để chế ngự căn bệnh này cho cây lúa.

Lý do ra đời của cuốn sách là dịch nấm lúa kinh hoàng xảy ra ở Nam Kỳ vào năm 1938.

Ở Chương một, tác giả giải thích thực chất khoa học của tên gọi “bệnh Tiêu lụn” ở cây lúa, gắn liền với trận dịch bệnh nấm trầm trọng ở các địa phương thuộc Nam kỳ như Vĩnh Trạch, Vĩnh Phước, La Hoa, Hưng Hội, Long Thành, Vĩnh Mỹ,... Các tỉnh bị thiệt hại nặng nề nhất là Bạc Liêu, Cần Thơ, Bến tre, Gò Công, Long Xuyên, Mỹ Tho, Rạch giá, Sa Đéc, Trà Vinh, Vĩnh Long, ... Cũng ở chương này tác giả nêu ra những triệu chứng tiêu biểu ở tất cả các loại bệnh hạch nấm.

“ Ở giai đoạn đầu, dấu hiệu của bệnh là có những vùng lá bị ố vàng. Một số cây nhỏ trong khóm lúa bắt đầu quắt khô ở các bẹ ngoài của cây, xuất hiện những vết mực màu nâu ở bẹ lá và thân cây lúa. Một số cây khác bắt đầu có những bẹ lá bị thối, đen, các Chồi cây ở giữa lá bị uốn, lượn sóng, không tách ra nổi (thành chồi độc lập). Ở giai đoạn cuối, gốc lúa bị bao bọc bởi các phần bị thối rữa. Cây lúa không trở bông, lại xuất hiện những túm (cụm) thân dựng đứng lên ở giữa khóm ... Cuối cùng cây lúa sụm xuống (nên người ta gọi là “Tiêu lụn”.)

Chương II, tác giả dành để nêu ra 7 loại nấm vậy và nấm hạch gây ra bệnh Tiêu lụn, mang các tên khoa học dưới đây:

1. Corticium rolfsii (Sacc.) Curzi
2. Corticium solani (Pril.et Delacr) Bourd et Galz
3. Selerotium Oryza Catt.
4. Selerotium Oryza Catt. Var. Irregulare.nob.

5. Selerotium Oryza Catt. Sativa Saw
6. Selerotium bumigatum Nakata
7. Rhizoctonia microsclerotia Matz.

Mỗi loại nấm này đều lần lượt phân tích về mặt sinh học, sinh lý học, khả năng gây bệnh.

Chương III, tác giả nêu ra ba biện pháp để khắc chế loại bệnh nguy hại này của cây lúa.

- Biện pháp thứ nhất là tấn công vào cơ chế bảo tồn loài của mỗi loại nấm hại kể trên.
- Biện pháp thứ hai là duy trì những điều kiện bất lợi đối với các loài côn trùng reo rắc những tế bào nấm lên cây lúa.
- Duy trì lâu dài các kết quả sau những đợt tấn công nấm bệnh.

Tác giả cuốn sách tỏ rõ một sự quan tâm rất chu đáo tới việc phổ cập căn nguyên và cách phòng trừ căn bệnh này ở cây lúa với một trách nhiệm cao của nhà khoa học. Cuốn sách chỉ gồm gần 60 trang tương đương kích cỡ giấy A4 hiện nay nhưng rõ ràng là một đóng góp khoa học đáng trân trọng.

Về lĩnh vực y học, xin giới thiệu một tài liệu, đó là một cuốn sách do một người Việt viết bằng tiếng Pháp nhưng lại là cuốn sách viết về lịch sử nền y học của Việt Nam, Histoire de lamedecine de Vietnam). Chỉ là một cuốn giáo trình, lại chỉ được in Rônéo nhưng nó được giảng dạy chính thức ở Trường Y khoa Hà Nội (Faculté de mesdecine de Ha noi). Người biên soạn là Dương Bá Hàm.

Trước hết, ở phần lời nói đầu tác giả khẳng định có một nền y học thuần việt độc lập với y học Trung Hoa. Tiếp đó, ông khẳng định vai trò của thuốc nam và y học cổ truyền trong việc trị bệnh ở Việt Nam thời Pháp thuộc.

Mở đầu cho phần nội dung của cuốn giáo trình, tác giả dẫn ra 58 (là số chính xác) tác phẩm viết về y học, được học trong lịch sử Việt Nam, ví dụ:

- Bảo anh Lương Phương của Nguyễn Trục thời Lê
- Bản thảo thực vật toàn yếu của Phan Phu Tiên triều Lê
- Bảo sinh duyên thọ toàn yếu, xuất bản vào năm 1646 thời Lê Hy Tôn, của tác giả Phạm Thế Vinh, Phạm Đình Liệu, Lê Bá Nhạn, Nguyễn Đại, Vũ Viết Hiên, ... cùng nhau biên soạn.
- Gia truyền đậu chân tập của Nguyễn Sĩ
- Hải thượng y tông tâm lĩnh, xuất bản 1772 của Lãn Ông Lê Hữu Trác ...

Tác giả thể hiện rõ lòng tự hào đối với nền y học của nước ta, khẳng định các tên tuổi lớn trong lĩnh vực y học Việt Nam truyền thống. Tác giả trình bày một khoa học về “Các khái niệm cơ bản của y học Hán – Việt”. Thuật ngữ Hán – Việt ở đây tương đương với khái niệm âm Hán – Việt trong ngôn ngữ học, thể hiện rõ vị trí độc lập của y học Việt Nam, song song với việc thừa nhận ảnh hưởng của Trung y đối với y học Việt Nam truyền thống.

Nội dung chủ yếu của lịch sử y học Việt Nam được tác giả trình bày qua các mục

- Giai đoạn tiền sử và huyền thoại
- Giai đoạn trung cổ ( từ Triều Đinh tới giai đoạn nhà Minh đô hộ)
- Giai đoạn Triều Hậu Lê
- Giai đoạn Lê Mạt
- Giai đoạn hiện đại (được tính từ vua Gia Long)

Tiếp đó, tác giả nghiên cứu chuyên biệt một số ngành trong y học Việt Nam truyền thống thông qua việc nghiên cứu và phân loại các tác phẩm y học của một số tác giả chính.

Do không có chuyên môn về y học, chúng tôi chưa thể đánh giá và đủ giá trị lịch sử và khoa học của tác phẩm này. Xin cung cấp tới quý vị một số thông tin trên về cuốn sách quý này.

Ngoài ra còn phải kể đến khá nhiều sách hướng dẫn sản xuất nông nghiệp của các kỹ sư nông học Pháp.

## **II. Sách thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn**

Do nhiều lý do về chính trị và khoa học, người Pháp bỏ rất nhiều công sức để nghiên cứu Đông dương về con người và xã hội ở vùng này. Ngay cả trước khi Đại học Đông dương được thành lập, nhiều nhà khoa học Pháp đã say sưa nghiên cứu Đông dương về khảo cổ học, dân tộc học, văn hóa học. Từ khi Đại học Đông dương được ra đời, gần như tiếp ngay sau trường Viễn đông Bác Cổ (1902), các nhà khoa học xã hội nổi tiếng của Pháp đã có mặt. Tên tuổi của những nhà khoa học này gắn liền với lịch sử hình thành các ngành khoa học nói trên ở Việt Nam. Họ rất được kính trọng xét trên lĩnh vực khoa học mà họ dần thân. Có thể kể đến những tên tuổi rất quen thuộc như nhà khảo cổ học Goustave Dumoutier, nhà khảo cổ học – dân tộc học Madeleine Colani, một người phụ nữ dũng cảm và đầy nhiệt huyết, nhà khảo cổ học Henri Parmentier,... Giới dân tộc học cũng có những tên tuổi nổi tiếng như: Houdricourt, P. Ory, F. Bonifacy, nhà dân tộc học Jeans Cuisinier, đặc biệt là nhà bác học Condominas, người chủ xướng khái niệm “không gian xã hội” nổi tiếng trong lĩnh vực dân tộc học, một chuyên gia tầm cỡ quốc tế trong các nghiên cứu về các tộc người polylésien, đặc biệt là người M’ông Gas ở Tây Nguyên. Các nhà khoa học nổi tiếng của Việt Nam như nhà khảo cổ học GS. Hà Văn Tấn, nhà khảo cổ học – văn hóa học GS. Trần Quốc Vượng, nhà khảo cổ học GS. Đình Hoa, nhà dân tộc học Vương Hoàng Tuyên, nhà dân tộc GS. Đặng Nghiêm Vạn, nhà dân tộc học GS. Phan Hữu Dật,... đều coi những nhà khoa học Pháp vừa kể trên như những bậc tiền bối của mình và các tác phẩm khoa học của họ được coi là cơ sở xuất phát cho lĩnh vực mà mình lựa chọn.

Xin nêu một số tác phẩm tiêu biểu của những nhà nghiên cứu nói trên:

### **Houdricourt:**

- Âm vị và từ vựng của ngôn ngữ Thái
- Vị trí của tiếng Việt trong các ngôn ngữ Úc – Á
- Nguồn gốc các dấu thanh điệu trong tiếng Việt
- Sự chuyển đổi cho thuận tai của các phụ âm mở đầu trong ngôn ngữ Môn – Khơ me

### **Louis Finot:**

- Ghi chép về văn khắc ở Đông dương
- Giáo trình khảo cổ học Đông dương
- Giáo trình dân tộc học Đông dương
- Ghi chép về Ăng co

### **Henri Maspéro:**

- Đóng góp vào việc nghiên cứu ngữ âm học tiếng Thái
- Nghiên cứu ngữ âm học lịch sử tiếng Việt
- Trung Hoa cổ đại
- Chế độ phong kiến và sở hữu ruộng đất ở Trung Quốc cổ đại
- Dụng cụ thiên văn học Trung Hoa thời đại nhà Hán

### **P. Ory:**

- Quá trình thiết lập một làng ở Bắc kỳ
- Làng xã người Việt ở Bắc kỳ.

Xin giới thiệu chi tiết tập giáo trình Dân tộc học của Auguste L.M. Bonifacy. Ngay từ lời tựa, tác giả đã giới thiệu rõ hai phần của tập giáo trình. Phần thứ nhất là những thuật ngữ được sử dụng có tính chuyên ngành dân tộc học, thường không xuất hiện ở các cuốn từ điển thông thường. Phần thứ hai là một số tộc người ở Đông Dương được mô tả theo ngôn ngữ và phương pháp dân tộc học mô tả (ethnographie).

Chúng tôi chọn cuốn sách này để giới thiệu vì cuốn giáo trình này đã thể hiện rõ khuynh hướng và ngành dân tộc học Pháp buổi sơ khai ở Đông Dương, và sự khác biệt của nó với trường phái dân tộc học Xô viết sau này, một thời đã ảnh hưởng sâu sắc tới ngành dân tộc học nước ta. Khác với cuốn Người Mường của Cuisinier sau này, cuốn giáo trình này không đặc tả một tộc người mà đưa ra những thuật ngữ của trường phái Dân tộc học Pháp nhưng được trình bày rất phóng túng, thiên về thực chứng chứ không giải thích và tổng hợp thành những tập hợp truyền thống văn hóa. Các thuật ngữ được tập hợp trong các nhóm như chủng tộc, nhóm tộc người, nhân học và dân tộc học mô tả người nguyên thủy, đặc tính ngôn ngữ, chữ viết, đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tôn giáo, đời sống gia đình, quan hệ giữa các dân tộc... thực sự là những vấn đề hoàn toàn mới mẻ đối với người Việt Nam ở đầu thế kỷ XX.

Những tộc người được giới thiệu ở phần hai gồm người Kinh (Annamites), người Tày, người Cambodge (còn gọi là người Khomers), người Chăm, người Mọi (tác giả cho rằng đây là tên mà người Kinh dùng để chỉ các tộc người ở Trường Sơn - Tây Nguyên), người Mường, người La Quả, người La Chí, người Lô Lô, người Mán (Dao), người Mèo, người Pà-Thên và Na-ê (?), người Hán, người Ấn Độ, người Mã Lai ... Mỗi tộc người đều được ghi nhận là một tộc người riêng biệt thông qua các đặc điểm về ngôn ngữ, văn hóa, phong tục, tín ngưỡng và lối sống, cách thức sản xuất. Chỉ dày 112 trang, cuốn giáo trình này là một lăng kính khoa học mới để nghiên cứu Đông Dương theo phương thức khoa học kiểu phương Tây rất điển hình.



Những công trình khoa học vừa kể trên đã được các nhà khoa học xã hội Việt Nam sử dụng, làm cơ sở và làm tư liệu cho việc xây dựng các bộ môn khoa học như khảo cổ học, dân tộc học,... trong thời kỳ đầu của sự nghiệp hình thành và phát triển nền giáo dục trong chế độ mới từ sau khi miền Bắc được hoàn toàn giải phóng năm 1954.

Trong kho sách này có một loại tư liệu đặc biệt, rất đáng quan tâm, mặc dù đó không phải là những nghiên cứu khoa học. Đó là bộ Công báo của chính phủ Pháp và chính quyền thuộc địa ở Đông dương. Mỗi năm, Công báo được sưu tập lại thành một tập dày hàng nghìn trang. Tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội mà nhà nước bảo hộ phải thực hiện các hoạt động quản lý nhà nước đều được ghi lại trong Công báo.

Người Pháp đã thiết lập được một nền nếp lưu trữ rất ổn định. Cho đến nay, khi giở lại từng năm của kho tàng Công báo này, những nhà nghiên cứu lịch sử sẽ có những tư liệu với độ chính xác rất cao về tình hình xã hội và hiện trạng của chế độ thực dân Pháp trên toàn cõi Đông dương. Số Công báo này hiện nay còn gần như nguyên vẹn với hơn 40 tập, mỗi tập từ 1300 – 1600 trang. Để làm rõ giá trị tư liệu lịch sử của loại hình Công báo này, chúng tôi xin đưa ra tại đây một ví dụ về giá trị tư liệu lịch sử của Công báo. Đó là Công báo năm 1890.

Năm 1884, Hiệp ước Pa – tơ - nôt mới được ký kết. Như vậy, Công báo này ghi lại hoạt động quản lý nhà nước chỉ sau Hiệp ước kể trên 6 năm. Lúc này nhà nước thực dân đang ra sức củng cố địa vị thống trị của mình. Trong Nghị định của Toàn quyền Đông dương ký ngày 11 tháng 11 năm 1889, địa phận Hà Nội được xác định với những cột mốc rất cụ thể.

Ngày 11 tháng 6 năm 1890: Nghị định bổ sung cho Nghị định ngày 22 tháng 2 năm 1889 về việc thành lập cảnh sát trên biển và trên sông của thành phố Hải Phòng. Ngày 15 tháng 7 năm 1890: Nghị định thiết lập lại các chức quan ở các dân tộc thiểu số (trong Nghị định được gọi là quan man). Ngày 9 tháng 8 năm 1890 quyết định về việc bổ sung các chức bang tá ở Quốc Oai, Phúc Thọ, Tùng Thiện. Ngày 21 tháng 8 năm 1890, quyết định về quyền hạn của chức kinh lược sứ Bắc kỳ.

Đặc biệt, những thông tin kể ra dưới đây đã thể hiện rõ tinh thần chống giặc ngoại xâm của nhân dân Bắc kỳ trong giai đoạn này. Trong năm 1890, Toàn quyền Đông dương và Thống sứ Bắc kỳ đã ra quyết định triệt hạ lũy tre bảo vệ xung quanh làng của 42 làng trên miền Bắc, triệt hạ 11 làng vì tội nhen nhóm các cuộc khởi nghĩa chống chính quyền thực dân. Sau đây là một trường hợp cụ thể.

Quyết định của Thống sứ Bắc kỳ về việc triệt hạ làng Thượng Đông và phạt 3 làng gần với làng Thượng Đông vì tội chuẩn bị khởi nghĩa. Nguyên văn của quyết định này như sau:

## RÉSIDENCE SUPÉRIEURE AU TONKIN

Le Résident supérieur au Tonkin, Chevalier de la Légion d'honneur,

Vu l'arrêté du 7 juillet 1889;  
Vu le rapport du résident de Nam-dinh;  
Considérant que le village de Thuong-dong a été le foyer d'un mouvement insurrectionnel dans la province de Ninh-binh et que les villages de Phu-khe, Vu-xuyen et Lac-chinh se sont associés à ce mouvement,

### DÉCIDE :

- Article premier. — Le village de Thuong-dong sera rasé.
- Art. 2. — Les défenses extérieures des villages de Phu-khe, Vu-xuyen, Lac-chinh seront détruites.
- Art. 3. — Ces trois derniers villages seront frappés des amendes suivantes :  
Phu-khe 150 § 00, Vu-xuyen 80 § 00 et Lac-chinh 200 § 00.
- Art. 4. — Le maire et les deux principaux notables de chacun des villages de Thuong-dong, Phu-khe, Vu-xuyen et Lac-chinh, devront être déférés au tribunal mixte.
- Art. 5. — Il sera fait aux frais de ces villages un tirage de cent exemplaires de la présente décision pour être affichés dans la province de Ninh-binh.
- Art. 6. — Le résident de France à Ninh-binh est chargé de l'exécution de la présente décision.

Hanoi, le 24 janvier 1890.

BRIÈRE.

*Văn bản chụp trong công báo năm 1890*

*“Thống sứ Bắc kỳ, huân chương Bắc Đẩu bội tinh*

*- Căn cứ vào báo cáo của Công sứ Nam Định;*

*- Căn cứ vào kết quả xác định của các quan chức được phái về Ninh Bình để điều tra*

*Xác định rằng, làng Thượng Đông đã nhen nhóm một cuộc khởi nghĩa và ba làng Phú Khê, Vũ Xuyên, Lạc Chính sẽ cùng tham gia cuộc khởi nghĩa này.*

### QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1:** Triệt hạ làng Thượng Đông

**Điều 2:** Phạt các làng Phú Khê 150 quan, Vũ Xuyên 80 quan, Lạc Chính 200 quan và phá hủy những công trình phòng ngự, gồm các ụ đất và lũy tre bao quanh mỗi làng.

**Điều 3:** Lý trưởng và hai chức sắc chủ chốt của mỗi làng kể trên sẽ bị truy tố tại tòa án hỗn hợp.

**Điều 4:** Sao chép Quyết định này thành 100 bản và phổ biến đến tất cả các làng trong tỉnh Ninh Bình

**Điều 5:** Ông Công sứ Ninh Bình và các làng được nêu trên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Một trường hợp khác về giá cả thị trường tại Hà Nội năm 1890

**GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG TẠI HÀ NỘI Ở 2 THỜI ĐIỂM  
18-01-1890 VÀ 24-01-1890**

Hàng hóa	Đơn vị tính	Ngày 18.01.1890	Ngày 24.01.1890
Vàng nén	Nén	2502 quan	2553 quan
Bạc nén	Nén	114 quan	115 quan
Lúa	Tạ (60.5 kg)	13 quan	14 quan
Gạo trắng	Tạ	24 quan 3 tiền	27 quan 2 tiền
Gạo lứt	Tạ	22 quan 2 quantiền	24 quan 8 tiền
Gạo nếp	Tạ	26 quan 9 tiền	30 quan 6 tiền
Đậu xanh	Tạ	20 quan 5 tiền	25 quan 6 tiền
Đậu đen	Tạ	15 quan 4 tiền	20 quan 6 tiền
Ngô	Tạ	12 quan 8 tiền	13 quan 2 tiền
Thịt trâu	Cân	6 tiền 30 đồng	6 tiền 30 đồng
Thịt bò	Cân	7 tiền	7 tiền 30 đồng
Thịt lợn	Cân	9 tiền	9 tiền 30 đồng
.....			
44 mặt hàng			

Ở một khía cạnh nào đó, toàn bộ hơn 40 tập công báo này có thể coi là một cuốn biên niên sử thật là dày công, xác thực và cực kỳ chi tiết.

### III. Sách về văn học, nghệ thuật và tạp chí

3.1 Chưa kể tới những tác phẩm văn học trên thế giới được dịch ra tiếng Pháp, những tác phẩm văn học và các nghiên cứu về lịch sử văn học Pháp có tới gần 100 cuốn. Gần như các tác gia nổi tiếng của văn học Pháp ở các thời kỳ đều có tác phẩm ở kho sách này: La Fontaine, Voltaire, Alexander Dumas, Banzac, Anatol France, Guy de Mopassant, Vichor Hugo,... họ là những tên tuổi rất thân thiết của các thế hệ thanh niên trí thức Việt Nam, những sứ giả của các giá trị nhân văn Châu Âu và nước Pháp được người Việt Nam chia sẻ hơn một thế kỷ qua. Họ cũng là sứ giả của hòa bình. Các tác phẩm này là tư liệu chủ yếu để các nhà nghiên cứu, các giáo sư của Đại học Tổng hợp Hà Nội biên soạn bộ giáo trình về văn học và lịch sử văn học Phương Tây.

3.2 Về văn hóa Việt Nam, văn hóa Lào, Campuchia, các công trình nghiên cứu của các học giả Pháp chủ yếu được đăng tải trên các tạp chí Văn Chương. Bán nguyệt san “Những trang về Đông Dương” là một ví dụ điển hình. Tất cả các bình diện của nền văn hóa của mỗi dân tộc Đông Dương đều được nghiên cứu với một thái độ trân trọng và thân thiết, hầu như không có thái độ kỳ thị. Có những số tạp chí có cả hơn 100 trang công bố các sưu tập về văn hóa người Việt, từ ngôn ngữ, thành ngữ, ca dao, tới đồng dao và trò chơi dân gian, diễn

xương dân gian,... đặc biệt, tác giả Camille Briffaut vào năm 1907 đã công bố một công trình nghiên cứu rất công phu và tâm huyết với tiêu đề “Nghiên cứu các giá trị văn hóa gia đình tốt đẹp của người Việt” trên cơ sở tư liệu trực tiếp ở Hương hóa - Quảng Trị.



*Một bài tạp chí về người Giao Chi với hình ảnh ngón chân cái đặc trưng*

Vào đầu những năm 40 của thế kỷ XX, ở Sài Gòn xuất hiện một tuần báo có tên là “Đông dương”. Mỗi một số báo chỉ trên dưới 30 trang, giấy xấu và không có bìa cứng. Nhưng ngày nay, nó đã trở thành một nguồn tư liệu rất quý đối với ngành văn hóa học. Những bài viết và tư liệu ảnh ở tạp chí này ghi nhận rất sinh động đời sống xã hội thời kỳ đó và thời kỳ nhà Nguyễn trước khi Pháp xâm lược Việt Nam.

Ví dụ:

- Ngự tượng của vua nhà Nguyễn
- Phong cảnh ở các vùng miền đặc biệt là vùng núi cao ở cả Bắc, Trung, Nam
- Chợ quê
- Một đám ma đình đám của một đại gia Tàu ở Chợ Lớn
- Đời sống của các dân tộc ít người
- Trang phục của Vua quan Triều Nguyễn,...

### **Thay lời kết luận và kiến nghị**

Chỉ qua đánh giá sơ bộ, giá trị lịch sử và giá trị khoa học của kho sách Pháp văn của Đại học Đông Dương rõ ràng đây là một di sản quý giá người Pháp để lại cho Việt Nam nói chung và ĐHQGHN nói riêng.

Thời gian và các phân hủy hóa học đang làm cho kho sách đứng trước nguy cơ hư hại hoàn toàn nếu không được bảo vệ, tu chỉnh, sửa chữa bìa và từng trang sách. Rất cần có những đánh giá cụ thể, chi tiết về giá trị lịch sử, giá trị khoa học và các hình thức bảo tồn hiện đại như số hóa, lưu trữ số để những vấn đề về lịch sử bảo hộ của người Pháp đối với Việt Nam nói riêng, các nước Đông dương nói chung hay những vấn đề về thuộc địa, về lịch sử nền giáo dục đại học Việt Nam ngay từ những ngày đầu được lưu giữ mãi mãi.

Trung tâm TT-TV kính đề nghị ĐHQGHN đầu tư kinh phí để triển khai một số công việc cấp bách như sau:

- Thuê chuyên gia thẩm định, đánh giá lại giá trị lịch sử và khoa học của kho sách
- Thuê chuyên gia bảo tồn tài liệu cổ đưa ra phương án phục hồi, bảo quản tối ưu.
- Thiết kế, xây dựng một phòng trưng bày kho sách xứng với vai trò, vị thế ĐHQGHN
- Số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu kho sách, lưu trữ, phục vụ bằng phần mềm hiện đại.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

(1) <https://vnu.edu.vn/home/?C1654/N1812/Tu-dai-hoc-dong-Duong-den-dai-hoc-Quoc-gia-Ha-Noi---Su-ke-thua-va-phat-trien-cua-mot-mo-hinh-dai-hoc-hien-dai.htm>

(2) <https://vnu.edu.vn/home/?C1635/N1260/Tu-lieu-ve-dai-hoc-dong-Duong---Co-so-Ha-Noi.htm>

(3) Tài liệu tại kho sách Đại học Đông dương gồm sách, công báo và tạp chí.